PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 2

Chủ điểm Niềm vui tuổi thơ · Bài 19–20 (SGK tr. 86–93)

Tuần 11

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Đọc hiểu: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Bạn mới

Lớp 2C có bạn mới tên là Ngọc. Ngọc ít nói, giờ ra chơi chỉ ngồi một mình dưới gốc phượng. Thấy vậy, Mai lại gần, rủ Ngọc chơi ô ăn quan. Lúc đầu, Ngọc lắc đầu, ngượng nghịu. Mai kiên nhẫn chỉ cho bạn cách chơi. Dần dần, Ngọc cười nhiều hơn. Bây giờ, giờ ra chơi nào hai bạn cũng ríu rít bên nhau. Ngọc bảo: "Có bạn, đến lớp vui hơn hẳn!"

1. Lúc mới đến lớp, giờ ra chơi Ngọc thường làm gì?

(A) Chơi đá cầu (B) Ngồi một mình (C) Đọc truyện

2. Mai rủ Ngọc chơi trò gì?

(A) Ô ăn quan (B) Nhảy dây (C) Trốn tìm

3. Khi Ngọc ngượng nghịu, Mai làm gì?

(A) Bỏ đi chơi chỗ khác (B) Mách cô giáo ngay (C) Kiên nhẫn chỉ cách chơi

4. Vì sao Ngọc thấy đến lớp vui hơn hẳn?

Bài 2: Chính tả: điền g hoặc gh

1. Chú ..... à trống gáy ò ó o. Bé ..... i nhớ lời cô dặn. Bé xếp ..... ọn ..... ối chăn.

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (iên hay iêng?)

1. Cây tre ... mình trước gió. (A) nghiên (B) nghiêng

2. Sóng ... vỗ rì rào. (A) biển (B) biểng

3. Mẹ ... cá giòn tan. (A) chiêng (B) chiên

Bài 4: Luyện từ và câu: xếp các từ trong khung vào nhóm thích hợp

giúp đỡ hiền lành an ủi tốt bụng rủ chơi vui tính

1. Từ chỉ hoạt động: .....

2. Từ chỉ đặc điểm: .....

onthi.edu Thư viện phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

Bài 5: Luyện từ và câu: xếp các từ thành câu nêu hoạt động

1. chơi ô ăn quan | Mai và Ngọc | dưới gốc phượng.

2. cho bạn | Mai | cách chơi. | chỉ

Bài 6: Viết: kể về một giờ ra chơi

Viết 2–3 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.

Giờ ra chơi, em thường chơi ở đâu, với ai? Em chơi trò gì? Em thấy thế nào?

ĐÁP ÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 11

Bài 1: Đọc hiểu: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

1. B (Ngồi một mình)
2. A (Ô ăn quan)
3. C (Kiên nhẫn chỉ cách chơi)
4. Vì Ngọc đã có bạn Mai chơi cùng.

Bài 2: Chính tả: điền g hoặc gh

1. Chú gà trống gáy ò ó o. Bé ghi nhớ lời cô dặn. Bé xếp gọn gối chăn.

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (iên hay iêng?)

1. B (nghiêng) 2. A (biển) 3. B (chiên)

Bài 4: Luyện từ và câu: xếp các từ trong khung vào nhóm thích hợp

1. Từ chỉ hoạt động: giúp đỡ, an ủi, rủ chơi
2. Từ chỉ đặc điểm: hiền lành, tốt bụng, vui tính

Bài 5: Luyện từ và câu: xếp các từ thành câu nêu hoạt động

1. Mai và Ngọc chơi ô ăn quan dưới gốc phượng.
2. Mai chỉ cho bạn cách chơi.

Bài 6: Viết: kể về một giờ ra chơi

Mẫu: Giờ ra chơi, em và các bạn chạy ra sân trường. Chúng em chơi trốn tìm dưới những gốc cây bàng. Em thấy rất vui và thoải mái.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án